TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B B
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : **23 / 2018/ HNGĐ-ST**
Ngày: **10 / 7 / 2018**
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B B-TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh
2. Ông Voòng A Ửng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Chiêm Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B tham gia phiên tòa :*** Ông Trần Thông, Kiểm sát viên .

Ngày **10** tháng **7** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện B B, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 324/2017/TLST– HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27 / 2018 / QĐXXST – HNGĐ ngày 28/5 / 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/ 2018/ QĐST – DS ngày 15/ 6 /2018 giữa các đương sự :

-*Nguyên đơn:* Chị Ao Thị Kim L, sinh năm 1972

-*Bị đơn:* Anh Dụng Minh T, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Thôn HB, xã SL, huyện B B, Tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh LS.

Người đại diện: Ông Nguyễn Dưỡng Ng -Chức vụ: Giám đốc

-*Ủy quyền lại cho*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963

Chức vụ Phó Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 62/NHNo – BTh – LS – KHKD ngày 27/02/2018)

Địa chỉ: KP XA 2, Thị trấn CL, B B, Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai nguyên đơn trình bày :

1.Về hôn nhân: Chị Ao Thị Kim L và anh Dụng Minh T có tìm hiểu quen nhau khoảng 03 năm. Hai bên gia đình không đồng ý nên không có tổ chức cưới và không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống vào năm 1994 tại gia đình bên chồng cuộc sống lúc đầu hạnh phúc. Đến năm 1997, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T có

tính gia trưởng, mọi chuyện trong gia đình anh T đều quyết định, anh có tính ích kỷ ghen tuông, nghi ngờ, đánh đập chị nhiều lần, chị L cố gắng chịu đựng. Đến tháng 10/ 2017 chị L bỏ đi và ly thân cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Bị đơn anh Dụng Minh T trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian tìm hiểu và không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung vào năm 1994 tại gia đình bên anh T, sau đó ở riêng vợ chồng cũng thường hay cãi nhau, mỗi lần cãi nhau chị L bỏ đi về cha mẹ ở và trở về lại. Đến tháng 10/ 2017 chị L bỏ đi và ly thân cho đến nay. Hôm nay chị L yêu cầu ly hôn anh T đồng ý ly hôn.

2.Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Dụng Ý Nh, sinh ngày 11/5/1995; Dụng Anh Q, sinh ngày 03/4/1997 và Dụng Bảo Kh, sinh ngày 03/12/2003. Hiện nay con đang ở với chị L. Các con Dụng Ý Nh và Dụng Anh Q đã trưởng thành. Con Dụng Bảo Kh đang ở với chị L, chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 1.500.000đồng cho đến trưởng thành. Anh T đồng ý để chị L nuôi con Dụng Bảo Kh, sinh ngày 03/12/2003 và cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 1.000.000đồng.

3.Về tài sản chung: Trước đây vợ chồng có 65 con bò (cái, đực, nghé) yêu cầu Tòa chia, sau khi hòa giải vợ chồng tự thỏa thuận chia nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Vợ chồng thống nhất tài sản theo gía HĐĐG Nh sau:

- 01 căn nhà cấp 4A diện tích 72,56m^2 , xây trên đất thổ cư 175 m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 506975 cấp ngày 27/7/2006 đứng tên Dụng Minh T.Trị giá 138.668.700đồng

- 1.300 trụ thanh long, trồng trên đất trồng cây hàng năm diện tich 10.527 m^2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 261186 cấp ngày 12/7/2001 đứng tên Dụng Minh T. Trên đất trồng thanh long có 01 ao nước và 01 bầu điện (giá 80.000.000đồng) . Trị giá 786.799.080đồng.

- Đất màu diện tích 30.000m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất., trên đất có 7.500 cây keo lá tràm dưới 1 năm tuổi. Trị giá 391.500.000đồng có tứ cận Nh sau: Đông giáp đất ông Lan ; Tây giáp ông D – BNg ; Nam giáp đường nông thôn; Bắc giáp ông Dụng Minh Th.

Tài sản khác: 1 tủ lạnh Sanyo; 1 cái Tivi 32 inch; 2 giường gỗ tạp ; 03 tủ áo gỗ tạp; 01 tủ thờ gỗ tạp; 1 bộ bàn ghế chữ u gỗ thường. Trị giá 20.000.000đồng

Tổng trị giá tài sản chung **1.336.967.780đồng**

Chị L yêu cầu nhận tài sản như sau:

- 01 căn nhà cấp 4A diện tích 72,56m^2 , xây trên đất thổ cư 175 m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 506975 cấp ngày 27/7/2006 đứng tên Dụng Minh T.Trị giá 138.668.700đồng

- Đất màu diện tích 15.000m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 3.750 cây keo lá tràm 1 tuổi.Trị giá 195.750.000đồng

Tài sản khác: 1 tủ lạnh Sanyo; 1 cái Tivi 32 inch; 2 giường gỗ tạp ; 03 tủ áo gỗ tạp; 01 tủ thờ gỗ tạp; 1 bộ bàn ghế chữ u gỗ thường.Trị giá 20.000.000đồng

Tổng cộng: **354.418.700đồng**

* Anh T có trách nhiệm hoàn tiền chênh lệch 314.065.190đồng cho chị L.

Anh T yêu cầu nhận tài sản như sau:

- 1.300 trụ thanh long trồng trên đất trồng cây hàng năm diện tich 10.527 m^2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 261186 cấp ngày 12/7/2001 đứng tên Dụng Minh T. Trên đất trồng thanh long có 01 ao nước và 01 bầu điện. Trị giá 786.799.080đồng.

- Đất màu diện tích 15.000m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 3.750 cây keo lá tràm 1 tuổi.Trị giá 195.750.000đồng

Tổng cộng: **982.549.080đồng**

Về nợ chung : Vợ chồng có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh LS số tiền 260.000.000đồng vào 11/12/2017 vay ngắn hạn lãi suất 9,5%/ năm, hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/12/2018. Tài sản thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng đồng ý mỗi người trả ½ anh T là người chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh LS ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 11/12/2017 vợ chồng ông Dụng Minh T và bà Ao Thị Kim L có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh LS số tiền 260.000.000đồng (Hai trăm sáu mươi triêu đồng) , vay ngắn hạn, lãi suất 9,5%/ năm, theo hợp đồng tín dụng số 4805 – LAV – 201707210 ký ngày 08/12/2017, hạn trả nợ ngày 08/12/2018,

Tài sản bảo đảm tiền vay của vợ chồng anh T và chị L như sau:

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 175m^2 số AD 506975 cấp ngày 27/7/2006 đứng tên Dụng Minh T.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.527 m^2 số R 261186 cấp ngày 12/7/2001 đứng tên Dụng Minh T.

Nay vợ chồng ly hôn, Ngân hàng yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh T và chị L phải hoàn trả số tiền gốc 260.000.000đồng và tiền lãi đến ngày 10/7/2018 là 1.783.889đồng và lãi phát sinh sau ngày 10/7/2018 . Nhưng người chịu trách nhiệm trả là anh Dụng Minh T.

Tại phiên tòa:

- Chị Ao Thị Kim L vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 28,68, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 33, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 219 Bộ luật dân sự 2015. Xét thấy: Chị Ao Thị Kim L và anh Dụng Minh T chung sống với nhau vào năm 1994 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật Nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Đề nghị xử không công nhận chị L và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Dụng Ý Nh, sinh ngày 11/5/1995; Dụng Anh Q, sinh ngày 03/4/1997 và Dụng Bảo Kh, sinh ngày 03/12/2003. Hiện nay con đang ở với chị L. Các con Dụng Ý Nh và Dụng Anh Q đã trưởng thành. Chị L tiếp tục nuôi con Dụng Bảo Kh và anh T cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 1.000.000đồng cho đến trưởng thành.

-Tài sản chung: Tổng cộng tài sản chung **1.336.967.780đồng** chia mỗi người nhận 668.483.890đồng, người nào nhận nhiều thì phải hoàn tiền chênh lệch. Bên anh T nhận được khối tài sản có giá trị cao hơn thì phải hoàn tiền chênh lệch cho chị L. Buộc chị L và anh T mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ. Phần nợ chị L phải trả là 130.000.000đồng, chị L giao cho anh T trả cho Ngân hàng để trừ phần chênh lệch chia tài sản chung. Do đó, anh T chịu trách nhiệm trả nợ 260.000.000đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng nông nghiệp PTNTVN – Chi nhánh LS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Ao Thị Kim L:

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Ao Thị Kim L và anh Dụng Minh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994 cho đến nay. Không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Dụng Ý Nh, sinh ngày 11/5/1995; Dụng Anh Q, sinh ngày 03/4/1997 và Dụng Bảo Kh, sinh ngày 03/12/2003. Các con Dụng Ý Nh và Dụng Anh Q đã trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con*:* Hiện nay con Dụng Bảo Kh, sinh ngày 03/12/2003 đang ở với chị L. Chị L yêu cầu nuôi con Dụng Bảo Kh và tại phiên tòa chị L đồng ý anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. HĐXX xét thấy anh T đồng ý để chị L nuôi con và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là có cơ sở và hợp lý bởi đây là sự tự nguyện nên chấp nhận.

[3] Tài sản chung: Xét yêu cầu cụ thể của các đương sự trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận định Nh sau :

Đối với tài sản chung vợ chồng tự tạo ra và khi chia tài sản chung các bên đều yêu cầu chia.

- Chị L yêu cầu nhận ½ tài sản chung có căn nhà , đất màu . Anh T yêu cầu nhận 1300 trụ thanh long trồng trên đất vườn 10.527 m^2 và đất màu diện tích 15.000m^2 hoàn tiền chênh lệch cho chị L. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với căn nhà cấp 4A diện tích 72,56m^2, xây trên đất thổ cư 175 m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL trị giá 138.668.700đồng, vợ chồng thỏa thuận chị L nhận.Vì vậy chấp nhận cho chị L nhận nhà và đất.

Tai phiên tòa chị L đồng ý anh T nhận 1.300 trụ thanh long trồng trên đất vườn 10.527 m^2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 261186 cấp ngày 12/7/2001 đứng tên Dụng Minh T.

- Đất màu diện tích 30.000m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất., trên đất có 7.500 cây keo lá tràm dưới 1 năm tuổi. Chị L và anh T tự chia mỗi người nhận ½ diện tích. Chị L nhận đất màu theo hướng đông giáp đất ông L , anh T nhận đất màu theo hướng tây giáp đất ông D.

- Đối với vật dùng trong gia đình gồm: 1 tủ lạnh Sanyo; 1 cái Tivi 32 inch; 2 giường gỗ tạp ; 03 tủ áo gỗ tạp; 01 tủ thờ gỗ tạp; 1 bộ bàn ghế chữ u gỗ thường, anh T đồng ý chị L nhận.

Vì vậy, xét yêu cầu của phía nguyên đơn là hoàn T có căn cứ để chấp nhận.

Chị L yêu cầu nhận tài sản Nh sau:

- 01 căn nhà cấp 4A diện tích 72,56m^2 , xây trên đất thổ cư 175 m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 506975 cấp ngày 27/7/2006 đứng tên Dụng Minh T.Trị giá 138.668.700đồng

- Đất màu diện tích 15.000m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL, theo hướng đông giáp đất ông Lan, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận 3.750 cây keo lá tràm 1 tuổi trên đất .Trị giá 195.750.000đồng

Tài sản khác: 1 tủ lạnh Sanyo; 1 cái Tivi 32 inch; 2 giường gỗ tạp ; 03 tủ áo gỗ tạp; 01 tủ thờ gỗ tạp; 1 bộ bàn ghế chữ u gỗ thường.Trị giá 20.000.000đồng

Tổng cộng **354.418.700đồng**,

Chị L nhận **314.065.190đồng** do anh T hoàn tiền chêch lệch tài sản.

Anh T yêu cầu nhận tài sản như sau:

- 1.300 trụ thanh long trồng trên đất trồng cây hàng năm diện tich 10.527 m^2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 261186 cấp ngày 12/7/2001 đứng tên Dụng Minh T. Trên đất trồng thanh long có 01 ao nước và 01 bầu điện. Trị giá 786.799.080đồng.

- Đất màu diện tích 15.000m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL theo hướng tây giáp đất ông Dũng. chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận 3.750 cây keo lá tràm dưới 1 năm tuổi trên đất. Trị giá 195.750.000đồng

Tổng cộng **982.549.080đồng**

* Anh T có trách nhiệm thanh toán cho chị Ao Thị Kim L phần chệnh lệch chia tài sản chung là **314.065.190đồng**.

Phần nợ chung vợ chồng phải trả Ngân hàng là 260.000.000đồng, phần chị L phải trả là 130.000.000đồng, phần này chị L giao cho anh T trả Ngân hàng.

Nợ chung:

-Ngân hàng nông nghiệp PTNTVN – Chi nhánh LS số tiền gốc 260.000.000đồng. Chị Ao Thị Kim L và anh Dụng Minh T mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ. Tại phiên tòa anh T đồng ý chịu trách nhiệm trả gốc và lãi 261.783.889đồng và lãi phát sinh sau ngày 10/7/2018, để trừ vào tiền hoàn chênh lệch cho chị L và chị L cũng thống nhất . HĐXX xét thấy có cơ sở và chấp nhận.

- *Về án phí*: Chị Ao Thị Kim L và anh Dụng Minh T chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

- *Về lệ phí:* Chị Ao Thị Kim L và anh Dụng Minh T phải chịu lệ phí định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53,57,58, 81,82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 219 Bộ luật dân sự 2015.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1.Về hôn nhân: Không công nhận chị Ao Thị Kim L và anh Dụng Minh T là vợ chồng .

2. Về con chung: Chị L tiếp tục nuôi con Dụng Bảo Kh, sinh ngày 03/12/2003. Anh Dụng Minh T cấp dưỡng tiền nuôi con Dụng Bảo Kh số tiền 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Kh trưởng thành. Riêng các con Dụng Ý Nh, sinh ngày 11/5/1995 và Dụng Anh Q, sinh ngày 03/4/1997 đã trưởng thành. Anh Dụng Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3.Tài sản chung:

*** Chị Ao Thị Kim L nhận:**

- 01 căn nhà cấp 4A, móng đá chẻ, tường gạch ống, nền lát gạch men, cửa đi cửa gỗ kính, mái lợp tol kẽm lạnh diện tích 72,56m^2, xây trên đất thổ cư 175 m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 506975 cấp ngày 27/7/2006 đứng tên Dụng Minh T.Trị giá 138.668.700đồng

- Đất màu diện tích 15.000m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL, theo hướng đông giáp đất ông L, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 3.750 cây keo lá tràm dưới 1 năm tuổi. Trị giá 195.750.000đồng

Tài sản khác: 1 tủ lạnh Sanyo; 1 cái Tivi 32 inch; 2 giường gỗ tạp ; 03 tủ áo gỗ tạp; 01 tủ thờ gỗ tạp; 1 bộ bàn ghế chữ u gỗ thường.Trị giá 20.000.000đồng

Tổng cộng 354.418.700đồng,

* Chị Ao Thị Kim L nhận tiền chênh lệch **184.065.190đồng** đã trừ (314.065.190đồng - 130.000.000đồng) do anh Dụng Minh T hoàn lại.

Anh Dụng Minh T có trách nhiệm giao lại T bộ tài sản trên cho chị Ao Thị Kim L nhận.

Anh Dụng MinhT nhận:

- 1.300 trụ thanh long trồng trên đất trồng cây hàng năm diện tich 10.527 m^2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 261186 cấp ngày 12/7/2001 đứng tên Dụng Minh T. Trên đất trồng thanh long có 01 ao nước và 01 bầu điện. Trị giá 786.799.80đồng.

- Đất màu diện tích 15.000m^2 tọa lạc thôn HB, xã SL theo hướng tây giáp đất ông Dũng, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 3.750 cây keo lá tràm dưới 1 năm tuổi.Trị giá 195.750.000đồng

Tổng cộng: **982.549.080đồng**

* Anh T có trách nhiệm thanh toán cho chị Ao Thị Kim L phần chệnh lệch chia tài sản chung đã trừ nợ ngân hàng còn lại là **184.065.190đồng**.

- Chị Ao Thị Kim L và anh Dụng Minh T có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định.

Về nợ chung:

- Anh Dụng Minh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nông nghiệp PTNTVN – Chi nhánh LS số tiền nợ vay 261.783.889đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 10/7/2018 cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

4.Về án phí: Chị Ao Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn Nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015555 ngày 27/12 /2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B B. Chị L đã nộp đủ tiền án phí DSST.

- Chị Ao Thị Kim L có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên xét giảm 50% án phí DSST. Chị Ao Thị Kim L phải nộp 14.336.177đồng án phí DSST về chia tài sản chung Nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.480.000đồng theo biên lai thu tiền số 0015556 ngày 27/12 /2017 của Chi cục Thi hành án Huyện B B. Chị L còn phải nộp 9.856.177đồng án phí DSST.

- Anh Dụng Minh T phải nộp 300.000đồng án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con và 28.672.355đồng án phí DSST về chia tài sản chung.

5.Về lệ phí*:* Chị Ao Thị Kim L và anh Dụng Minh T mỗi người phải chịu 1.000.000đồng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản. Chị Ao Thị Kim L đã nộp 2.000.000đồng tiền lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản nên anh Dụng Minh T phải hoàn lại cho chị L 1.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện B.B;
-THADS huyện B.B;
-Đương sự;
-Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ PHƯỢNG